

Bản án số: 17/2020/DS-ST

Ngày: 20/7/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Mỹ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- **Thư ký phiên tòa:** ông Lê Văn Ban, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền:* bà Lương Thị Mỹ Hiền
- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 40/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐST-DS ngày 24/6/2020, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: 1. Ông Nguyễn Duy Tr, sinh năm 1970

2. Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1974

Địa chỉ: 30 Ng. Đ, phường A. Th, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của ông Tr, bà M là bà Võ Thanh Tĩnh, sinh năm: 1976 (giấy ủy quyền ngày 10/7/2017 và ngày 09/11/2017). *Có mặt*

Địa chỉ: 14/50, Lý Tự Trọng, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: bà Đỗ Thị Kim Ph, sinh năm 1973

Cùng ngụ: ấp M.Ph, xã M.Kh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của bà Ph là ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm: 1978 (Hợp đồng ủy quyền ngày 11/12/2019). *Vắng mặt*

Địa chỉ: ấp Th. H, xã Gi. X, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1972. *Vắng mặt*

Địa chỉ: ấp Tr.H, xã Tr.L, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

2. Ông Trần Văn H, sinh năm: 1958. *Vắng mặt*

Địa chỉ: khu vực Th.Tr, phường Ph.Th, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện ngày 10/10/2017 của các nguyên đơn cũng như ý kiến của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa: Do mối quan hệ quen biết trong kinh doanh nên ông Tr, bà M có cho bà Đỗ Thị Kim Ph vay tiền nhiều lần những lần trước đó thì bà Ph đã trả đầy đủ. Tuy nhiên từ cuối tháng 10 đến tháng 12/2016 thì bà Ph vẫn chưa trả, cụ thể như sau:

Ngày 22/10/2016 bà Ph vay 50.000.000đ; Ngày 23/10/2016 vay 15.000.000đ; Ngày 25/10/2016 vay 25.000.000đ; Ngày 31/10/2016 vay 40.000.000đ; Ngày 02/11/2016 vay 160.000.000đ; Ngày 04/11/2016 vay 150.000.000đ; Ngày 10/11/2016 vay 15.000.000đ; Ngày 13/11/2016 vay 40.000.000đ; Ngày 22/11/2016 vay 70.000.000đ; Ngày 23/11/2016 vay 88.000.000đ; Ngày 29/11/2016 vay 30.000.000đ; Ngày 10/12/2016 vay 15.000.000đ.

Tất cả các khoản vay trên đều có biên phận nợ do bà Ph tự viết và ký tên. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 5%/tháng. Mỗi lần ông Tr, bà M giao tiền cho bà Ph có trích lại 5% để trả tiền lãi trước. Tuy nhiên, đã hết thời hạn thanh toán mà bà Ph không trả gốc, lãi, ông Tr, bà M đã yêu cầu bà Ph thanh toán nhiều lần nhưng bà Ph cứ tránh mặt không hợp tác. Nay ông Tr, bà Ph yêu cầu bà Ph trả số tiền đã vay là 698.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi phát sinh từ khi vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho đến nay là 150.000.000đ.

** Phía bị đơn –Đỗ Thị Kim Ph trình bày trong quá trình giải quyết vụ án (trong bản tự khai ngày 03/12/2019, 29/10/2019, 24/8/2017) cũng như ý kiến của người đại diện theo ủy quyền:*

Bà Phượng cho biết bà có vay tiền của ông Tr, bà M nhiều lần nhưng đã trả xong cụ thể:

+ Lần thứ nhất, ngày 14/11/2016 bà có vay của ông Tr số tiền 140.000.000đ và sau đó vay thêm 03 lần trong đó có hai lần 15.000.000đ và một lần 10.000.000đ nhưng đến ngày 16/11/2016 thì bà Ph đã ký ủy quyền cho bà M thừa đất 500m² với giá 80.000.000đ để trừ hết nợ.

+ Lần thứ hai, bà Ph có vay của bà M 88.000.000đ, sau đó tiếp tục ký chuyển nhượng thửa đất 941m² cho bà H với giá 133.000.000đ lấy tiền trả cho bà Mai.

+ Lần thứ ba, bà Ph có vay của ông Tr số tiền 160.000.000đ, sau đó tiếp tục bà Ph có nhờ ông Đinh Văn V ký chuyển nhượng đất cho ông Tr, bà M với giá 160.000.000đ để trừ hết nợ.

Như vậy bà Ph đã trả hết số tiền đã vay của ông Tr, bà M bằng hình thức ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà Ph có nói nhận lại biên nhận nợ đã viết trong những lần vay tiền thì ông Tr, bà M không cung cấp, do tin tưởng nên bà Ph cũng không nhận lại các biên nhận này. Do đã trả hết nợ nên ông Tr, bà M yêu cầu trả số tiền 698.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật thì bà Ph không đồng ý, những biên nhận nợ mà ông Tr, bà M cung cấp là nợ bà Ph đã trả xong.

Tại bản tự khai ngày 03/12/2019 bà Ph cho rằng bà sử dụng ba giấy chứng nhận QSDĐ số BA 083754, BM109014, W196818 để vay của ông Tr, bà M số tiền 680.000.000đ.

Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phong Điền giải quyết vắng mặt.

** Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa:*

- Tại biên bản lấy lời khai ông Trần Văn H ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận Ô Môn, thành phố Cần: Đối với bản chính giấy chứng nhận QSDĐ số H02155 do UBND Quận Ô Môn cấp cho Hộ Trần Văn H ngày 16/8/2006 hiện nay do ông Tr, bà M đang giữ. Ông H cho rằng trước đây con gái ông tên Trần Thị Mỹ D (đã chết) lên mở tủ lấy bản chính giấy chứng nhận QSDĐ của gia đình đi cầm cố vay tiền cho ai ông H không biết nên ông H yêu cầu ông Tr, bà Ph trả lại bản chính giấy chứng nhận QSDĐ vì ông không có vay mượn tiền gì của ông Tr, bà Ph

- Ông Nguyễn Thanh H Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn, bị đơn và người có liên quan nhưng bị đơn vắng mặt nhiều lần và khi đến Tòa án thì bị đơn không đồng ý hòa giải. Riêng người có liên quan thì vắng mặt không lý do nên Tòa án không hòa giải được. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào quy định tố tụng dân sự Hội đồng xét xử Quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có liên quan.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Thủ tục tố tụng: từ giai đoạn Tòa án thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng về trình tự thủ tục, những quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố

tụng dân sự. Tuy tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có liên quan đã được triệu tập nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử độc lập, xét xử liên tục, hỏi trong phạm vi yêu cầu của các đương sự.

Nội dung giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và xác định đúng quan hệ pháp luật. Xét các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, biên nhận ngày 02/11/2016 có nội dung bà Ph nợ tiền ông Tr từ trước đến nay 160.000.000đ sau khi cộng các biên nhận ngày 22/10/2016, 23/10/2016, 25/10/2016, 31/10/2016 và giấy ghi 28/10/2016 thì trùng khớp với số tiền 160.000.000đ ghi trên biên nhận để chứng minh sự tổng hợp các biên nhận trước và ghi vào biên nhận ngày 02/11/2016. Đồng thời, cũng cần phải trừ lại số tiền 5% mỗi khi ông Tr, bà M giao tiền vay cho bà Ph.

Về lãi suất, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu 150.000.000đ là thấp và có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2017 và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn thì các nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền đã vay tổng cộng là 698.000.000đ và lãi là 150.000.000đ nên đây là tranh chấp về “hợp đồng vay tài sản” và bị đơn Đỗ Thị Kim Ph cư trú tại ấp M.Ph, xã M.Kh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền các nguyên đơn đều xác định cho bị đơn Đỗ Thị Kim Ph vay tiền nhiều lần và giữa hai bên có lập biên nhận (12 tờ biên nhận) tất cả đều bản chính do nguyên đơn cung cấp và bị đơn đều thừa nhận có ký tên các biên nhận trên và có vay tiền nhưng bị đơn cho rằng đã trả hết số tiền vay bằng hình thức chuyển nhượng các quyền sử dụng đất, Hợp đồng ủy quyền để chuyển toàn bộ quyền sử dụng ba giấy chứng nhận QSDĐ để cầm trả nợ vay. Bị đơn cung cấp Hợp đồng ủy quyền từ Ph sang M ngày 16/11/2016 đối với giấy chứng nhận QSDĐ số CH00241 thì bà Ph đã viết biên nhận đã nhận đủ tiền bán đất; Đối với Hợp đồng ủy quyền từ ông Đinh Văn V sang Nguyễn Duy Tr ngày 28/10/2016 thì ông V đã viết biên nhận tiền từ ông Tr và bà M nên không liên quan đến bà Ph; Đối với Hợp đồng chuyển nhượng đất từ Ph sang Kh thì bà Ph không cung cấp giấy tờ chứng minh và nguyên đơn không thừa nhận. Mặt khác, bị đơn đã đề nghị hoãn phiên hòa

giải, hoãn phiên tòa để cung cấp chứng cứ phản bác lại các yêu cầu của nguyên đơn nhưng tại biên bản làm việc ngày 25/02/2020 người đại diện theo ủy quyền bị đơn không cung cấp và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Xét chứng cứ là các biên nhận nợ và giấy mượn tiền nguyên đơn cung cấp có biên nhận ghi ngày 02/11/2016 nội dung “Ph nợ tiền Tr từ trước đến nay là 160.000.000đ” sau khi xem xét các chứng cứ là biên nhận và giấy ghi số tiền Tr, M giao cho Ph thì Hội đồng xét xử thống nhất với nhận định của Viện kiểm sát là tổng số tiền nguyên đơn giao cho bị đơn có số tiền 160.000.000đ đã tính hai lần nên phải trừ khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể là $698.000.000đ - 160.000.000đ = 538.000.000đ$. Đồng thời, theo đơn khởi kiện cũng như ý kiến thống nhất tại phiên tòa của người đại diện ủy quyền của nguyên đơn đều thừa nhận tại thời điểm giao tiền phía nguyên đơn đã trừ lại 5% cho nên số tiền vốn thực tế nguyên đơn cho bị đơn vay là $538.000.000 - (5\% \times 538.000.000) = 511.000.000đ$. Đây là cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Đồng thời, các nguyên đơn cũng thống nhất hiện tại đang giữ 02 bản chính giấy chứng nhận QSDĐ số CH00010 do UBND huyện Châu Thành cấp giấy ngày 23/01/2013 cho ông Nguyễn Thanh H và số H02155 do UBND Quận Ô Môn cấp ngày 16/08/2006 cho Hộ ông Trần Văn H. Nguyên đơn thống nhất hoàn trả lại hai bản chính giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên cho ông H và ông H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi là 150.000.000đ. Theo các chứng cứ đương sự cung cấp thể hiện các bên vay có thỏa thuận về lãi suất, nay nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi mà bị đơn phải trả là 150.000.000đ là thấp có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải nộp án phí trên số tiền không được chấp nhận và được nhận lại tiền tạm ứng án phí; Bị đơn phải chịu án phí trên toàn bộ số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, 474, 475 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Khi án có hiệu lực, buộc bà Đỗ Thị Kim Ph phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Duy Tr và bà Đoàn Thị M số tiền vốn là 511.000.000đ (năm trăm mười một triệu đồng) và số tiền lãi 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Trong trường hợp người có nghĩa vụ chậm thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Các nguyên đơn Nguyễn Duy Tr và Đoàn Thị M phải hoàn trả cho người có liên quan Nguyễn Thanh H và Trần Văn H 02 bản chính giấy chứng nhận QSDĐ số CH00010 do UBND huyện Châu Thành cấp giấy ngày 23/01/2013 cho ông Nguyễn Thanh H và số H02155 do UBND Quận Ô Môn cấp ngày 16/08/2006 cho Hộ ông Trần Văn H.

Án phí: Các nguyên đơn Nguyễn Duy Tr và Đoàn Thị M phải nộp 9.350.000đ (chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự và được nhận lại số tiền 15.960.000 đồng tạm ứng án phí theo phiếu thu số 005072 ngày 23/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền. Bị đơn Đỗ Thị Kim Ph phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 30.440.000đ (ba mươi triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THA H. Phong Điền;
- Lưu (HS - 2b).

Hồ Mỹ Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Long

Nguyễn Thanh Hải

Hồ Mỹ Xuân

